

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi
tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc
Trăng (tại Tờ trình số 339/TTr-SNN ngày 04/11/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện
Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về
đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Giám đốc Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2993 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.
- Xác định các nội dung công việc, thời gian hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
- Nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương và Nhân dân trong việc thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự thống nhất của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
- Xác định lộ trình cụ thể để bảo đảm Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết triển khai thực hiện Nghị định được thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh kể từ ngày Nghị định số 112/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.
- Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP

1.1. Các nội dung quy định theo thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

1.2. Thời gian thực hiện

- Các Sở, ban ngành được giao nhiệm vụ khẩn trương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính theo trình tự, thủ tục quy định trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV/2024 và Quý I/2025.

2. Tổ chức truyền truyền, phổ biến triển khai Nghị định

Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 112/2024/NĐ-CP đến các đối tượng chịu tác động (Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp,...) trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức nghiên cứu, triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

3. Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, tham mưu trong việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đất trồng lúa thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Quý IV/2024 và Quý I/2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, xây dựng vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn đảm bảo theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, quyết định loại cây trồng lâu năm được chuyển đổi đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đề xuất của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất

trồng lúa phạm vi toàn huyện quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP (trước ngày 15/12 của năm trước năm kế hoạch).

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hàng năm ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP (trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch); thực hiện hồ sơ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo quy định tại Điều 8 Nghị định, quy định giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và thực hiện các nội dung khác liên quan.

- Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Thực hiện thẩm định hồ sơ phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và quy định giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định hồ sơ nộp tiền thuê nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định loại cây trồng lâu năm được chuyển đổi, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Hàng năm, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tiến hành tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên toàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh việc thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện

trở lên; tham mưu văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa định kỳ 05 năm/lần theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch theo đúng tiến độ; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trước ngày 20/12 hằng năm.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp thực hiện hồ sơ, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở, ngành có liên quan, các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu việc cân đối, bố trí vốn đầu tư công trung hạn từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách hỗ trợ tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất chất lượng cao theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 theo quy định của Luật Đầu tư công để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp trong việc quy định xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

7. Đề nghị các đơn vị triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
GIAO NHIỆM VỤ THAM MƯU, XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP NGÀY 11/9/2024 CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2993 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	ĐIỀU, KHOẢN GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP	NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN BAN HÀNH	CƠ QUAN THAM MƯU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	THỂ THỨC VĂN BẢN
1	Khoản 2 Điều 5: Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p><i>Khoản 1 Điều 5: Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao, gồm các tiêu chí sau:</i></p> <p>a) Thuộc vùng đất chuyên trồng lúa, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Hệ thống thủy lợi chủ động hoặc được quy hoạch để chủ động tưới tiêu, cấp thoát nước, phòng, chống thiên tai;</p> <p>c) Hệ thống giao thông nội đồng thuận lợi hoặc được quy hoạch giao thông nội đồng phục vụ sản xuất trồng lúa;</p> <p>d) Có năng suất cao.</p>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý I/ 2025	Quyết định cá biệt
2	Khoản 3 Điều 6: Quy định về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định loại cây trồng lâu năm được chuyển đổi, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý I/ 2025	Quyết định cá biệt



STT	ĐIỀU, KHOẢN GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP	NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN HÀNH	CƠ QUAN THAM MUU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	THẺ THỨC VẤN BẢN
3	Khoản 1 Điều 7: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; thời gian ban hành trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch	Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Quý IV/2024	Quyết định cá biệt
4	Khoản 1 Điều 9: Xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa đảm bảo tuân thủ các điều kiện sau: a) Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, giao thông nội đồng, diện tích đất trồng lúa liền kề; b) Công trình chỉ được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm; c) Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50 ha; d) Công trình phục vụ theo mục đích được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này. <i>Khoản 6 Điều 3: Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý I/2025	Quyết định quy phạm pháp luật



STT	ĐIỀU, KHOẢN GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP	NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN HÀNH	CƠ QUAN THAM MƯU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	THẺ THỨC VĂN BẢN
5	<p>Khoản 1 Điều 12: Quy định về nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa</p>	<p>Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức nộp cụ thể nhưng không thấp hơn 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.</p>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tài chính	Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý IV/2024	Quyết định quy phạm pháp luật
6	<p>Khoản 1 Điều 15: Sử dụng kinh phí hỗ trợ</p>	<p>Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p><i>Khoản 1 Điều 12: Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu</i></p>	Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý I/ 2025	Nghị quyết quy phạm pháp luật



STT	ĐIỀU, KHOẢN GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP	NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN BAN HÀNH	CƠ QUAN THAM MƯU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	THỂ THỨC VĂN BẢN
		<p>quả sử dụng đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức nộp cụ thể nhưng không thấp hơn 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất).</p> <p><u>Khoản 1 Điều 14:</u> Ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa như sau:</p> <p>a) Hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;</p> <p>b) Hỗ trợ 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;</p> <p>c) Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao).</p> <p><u>Khoản 2 Điều 15:</u> Nguồn kinh phí tại khoản 1 Điều này được sử dụng cho các hoạt động sau:</p> <p>a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động</p>					



STT	ĐIỀU, KHOẢN GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP	NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN BAN HÀNH	CƠ QUAN THAM MƯU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	THỂ THỨC VĂN BẢN
		<p><i>khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;</i></p> <p><i>b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;</i></p> <p><i>c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;</i></p> <p><i>d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;</i></p> <p><i>đ) Hỗ trợ mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ).</i></p>					

-----//-----

SOC
72